TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NHA TRANG **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2022
V/v *"Ly hôn giữa bà L và ông L"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**
Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi –** Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1282/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2022 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Danh Thị BL** Sinh năm 1980
Trú tại: 14 C, phường T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Phạm QL** Sinh năm 1973
Trú tại: 14 C, phường T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022, bản tự khai ngày 03/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Danh Thị BL trình bày: Bà và ông Phạm QL tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nha Trang vào năm 2002, có hai con chung là Phạm Lan QN sinh ngày 17/11/2002 và Phạm Lan NQ sinh ngày 12/09/2006. Trong quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, do ông L không tôn trọng, xúc phạm đánh vợ nên bà xin ly hôn với ông L. Bà xin nuôi cháu NQ còn tuổi chưa thành niên, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Cháu QN đã trưởng thành.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung.

- Tại bản tự khai ngày 03/11/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm QL trình bày: Ông thừa nhận có quan hệ hôn nhân và con chung đúng như bà L trình bày. Nay, bà L xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con.

Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì ông xin nuôi cháu Phạm Lan NQ, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông L có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND phường T là hôn nhân hợp pháp. Bà L xin ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận.

- *Về con chung:* Cháu QN đã trưởng thành. Giao cháu NQ, sinh ngày 12/09/2006 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu Q và yêu cầu của bà L. Bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Bà L, ông L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

- *Về án phí:* Bà L phải chịu án phí hôn nhận gia đình theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Danh Thị BL và ông Phạm QL có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nha Trang vào năm 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2002 ngày 24/12/2002) là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của hai bên và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Trong quá trình chung sống, Bà L, ông L thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông L không tôn trọng, xúc phạm đánh vợ. Cuộc sống vợ chồng giữa bà L, ông L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L với ông L theo qui định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015.

[2] Về con chung: Cháu Phạm Lan QN sinh ngày 17/11/2002 đã trưởng thành. Cháu Phạm Lan NQ, sinh ngày 12/09/2006 có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu Q cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi là phù hợp với yêu cầu của ba L, đồng thời bác yêu cầu xin nuôi con của ông L đối với cháu Q.

Bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà L, ông L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạ ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Danh Thị BL được ly hôn với ông Phạm QL.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Lan NQ, sinh ngày 12/09/2006 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Bà L Không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bác yêu cầu xin nuôi con của ông L đối với cháu Q.

Ông L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà L, ông L có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà L, ông L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

4. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:*

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Bà Danh Thị BL phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002784 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Việt Cường

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- THADS Tp. Nha Trang;
- UBND P. Phước Tân (ĐKKH 2002);
- Lưu hồ sơ, án văn.